

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KINH TẾ ĐẦU TƯ

Ngành: KINH TẾ ĐẦU TƯ

Mã ngành: 7310104

Thái Nguyên, 2020

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số: 575 /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 13 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Kinh tế đầu tư

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh tế đầu tư

Mã ngành: 7310104

Hình thức đào tạo: Chính quy

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Thông tin kiểm định CTĐT:

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Tên khoa thực hiện CTĐT: Kinh tế

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông

3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- **Thang điểm:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

- **Quy trình đào tạo:** Theo quy định của Bộ giáo dục đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

- **Điều kiện tốt nghiệp:**

Điều kiện chung: Theo quy định của Bộ giáo dục đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện của chương trình đào tạo: ...

4. Mục tiêu đào tạo

Mục đích: Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế đầu tư có phẩm chất chính trị vững vàng, có sức khỏe và đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức nền tảng về giáo dục chính trị, tư tưởng, luật pháp, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về kinh tế đầu tư; có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc, có khả năng tự học tập nâng cao trình độ và lập nghiệp

Mục tiêu đào tạo:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. *Kiến thức*: Có kiến thức khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, kiến thức nền tảng về kinh tế, kinh doanh và quản lý, kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế đầu tư để phát triển khả năng học tập suốt đời và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn;

2. *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế đầu tư; hình thành ý tưởng khởi nghiệp và tổ chức thực hiện các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý;

3. *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng làm việc độc lập, dẫn dắt nhóm làm việc trong điều kiện môi trường thay đổi; bảo vệ và chịu trách nhiệm về các quyết định cá nhân; thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức	
1.1	Hiểu các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.	2
1.2	Ứng dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, kiến thức lý thuyết và thực tế về kinh tế, kinh doanh và quản lý, kiến thức nền tảng của lĩnh vực kinh tế đầu tư để học tập kiến thức chuyên ngành và giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan trong công việc.	3
1.3	Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin và mạng internet để khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. Đạt chuẩn về trình độ tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.	3
1.4	Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế đầu tư để đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển ở các phạm vi của nền kinh tế, các ngành kinh tế, địa phương và doanh nghiệp.	4
1.5	Vận dụng kiến thức về lý thuyết và thực tiễn chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế đầu tư để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động đầu tư như huy động, sử dụng vốn đầu tư, thẩm định đầu tư, đầu thầu, tư vấn đầu tư	5
2.	Kỹ năng	
2.1	Phát hiện, giải quyết các vấn đề phức tạp, xác định vấn đề ưu tiên và ra quyết định ở lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý trong điều kiện môi trường thay đổi.	3

2.2	Giao tiếp xã hội, thuyết trình và truyền tải thông tin một cách hiệu quả.	4
2.3	Thực hiện quá trình khởi nghiệp cho bản thân và dẫn dắt người khác.	5
2.4	Sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt ý kiến cá nhân, xử lý một số tình huống thông thường liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt chuẩn về ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.	3
2.5	Đánh giá kết quả, hiệu quả công việc được giao của cá nhân và các thành viên trong nhóm liên quan đến lĩnh vực kinh tế đầu tư.	5
3.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
3.1	Làm việc độc lập, chịu được áp lực công việc, hình thành và lãnh đạo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi	4
3.2	Thực hiện tốt kỷ luật lao động, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm và trách nhiệm xã hội.	4
3.3	Hướng dẫn, giám sát các cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, đặc biệt là nhiệm vụ liên quan đến kinh tế đầu tư;	5
3.4	Tự định hướng, tự học tập, đưa ra kết luận và bảo vệ được các quan điểm cá nhân trong lĩnh vực kinh tế đầu tư	5
3.5	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực Kinh tế đầu tư	5

- Các ma trận thể hiện mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)

- Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CDR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục B)

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 125 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	Nội dung	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương	32
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	30
2.2	Kiến thức ngành	24
2.3	Kiến thức chuyên ngành	27

2.4	Thực tập nghề nghiệp/môn học	2
2.5	Thực tập tốt nghiệp	10
	Tổng toàn khóa	125

- Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT

STT	Học phần	Chuẩn đầu ra														
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5
1	Triết học Mác - Lênin	x														
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x														
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x														
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x														
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x														
6	Pháp luật đại cương	x					X						x			
7	Tin học đại cương			x				x								
8	Lý thuyết XS và thống kê toán		X				X									
9	Toán kinh tế		X				X									
10	Tiếng Anh 1							x	x	x						
11	Tiếng Anh 2							x	x	x						
12	Tiếng Anh 3							x	x	x						
13	Tiếng Anh 4							x	x	x						
14	Tiếng Anh 5							x	x	x						
15	Giáo dục thể chất 1	x														
16	Giáo dục thể chất 2	x														
17	Giáo dục thể chất 3	x														
18	Giáo dục quốc phòng	x											x			
19	Kinh tế học vi mô 1		X				X	x				x	x			
STT	Học phần	Chuẩn đầu ra														
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5
20	Quản trị học		X				X	x				x	x	x		
21	Kinh tế học vĩ mô 1		x				X	x				x	x			
22	Marketing căn bản		x				X	x				x	x			
23	Tài chính - tiền tệ 1		x				X	x				x	x			
24	Nguyên lý thống kê		x				X	x				x	x			
25	Nguyên lý kế toán		x				X	x				x	x			
26	Phân tích thông tin kinh tế		x				X	x				x	x			

27	Lịch sử các học thuyết kinh tế		x				X	x				x	x			
	Địa lý kinh tế Việt Nam		x				X	x				x	x			
28	Phương pháp nghiên cứu khoa học		x				X	x				x	x			
	Kinh tế lượng		x				X	x				x	x			
	Thống kê kinh tế		x				X	x				x	x			
29	Kinh tế phát triển		x				X	x				x	x			
30	Kinh tế môi trường	x	x				X	x				x	x			
31	Kinh tế học vĩ mô 2		x				X	x				x	x			
32	Lập và phân tích dự án đầu tư		x		x	x	X	x	x			x	x			
33	Nguyên lý kinh tế đầu tư		x		x	x	X	x			x	x				
34	Kinh tế Công cộng		x				X	x				x	X			
	Kinh tế học vi mô 2		x				X	x				x	X			
35	Kinh tế Bảo hiểm		x				X	x				x	X			
	Bảo hiểm xã hội		x				X	x				x	X			
36	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH		x				x	x				x	x			
	Kinh tế và chính sách phát triển vùng		x				X	x				x	X			
	Môi trường và phát triển bền vững		x				X	x				x	X			
37	Đầu tư quốc tế		x		x	x		x				x				
38	Kinh tế đầu tư		x		x	x					x					x
39	Thẩm định dự án đầu tư		x		x	x		x	x			x			x	X
40	Quản lý dự án đầu tư				x	x	X	x	X		x	x	X	x	x	X
41	Thị trường vốn ĐT	x	x					x	x	x		x	X			
STT	Học phần	Chuẩn đầu ra														
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5
42	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH				x		X	x				x	X			
	Chương trình và dự án phát triển KT-XH				x		X	x				x	X			
43	Đấu thầu trong đầu tư				x	x	X	x			x	x	x			
	Luật Đầu tư					x	X	x			x	x	x			
44	Phân tích lợi ích - chi phí				x		X	x			x	x	x			

	Phân tích chính sách phát triển				x		X	x			x	x	x			
45	Thống kê đầu tư XDCB					x	X	x				x	x			
	Nghiên cứu và dự báo kinh tế					x	X	x				x	x			
	Dự báo phát triển KT-XH					x	X	x				x	x			
	Thực tập môn học	X	x	x	x		X	x			x	x	x	x	x	X
	Thực tập TN	X	x	x	x	x	X	x			X	x	x	x	x	X
	KLTN/ HP tự chọn thay thế KLTN	X	x	x	x	x	X	x			X	x	x	x	x	X
46	Đầu tư công	x			x	x		x				x				
	Kinh tế và tài chính công	X	x	x	x	x	X	x			X	x	X	x	x	X
47	Quản lý rủi ro trong đầu tư	X	x	x	x	x	X	x			X	x	X	x	x	X
	Đầu tư tài chính	X	x		x	x		x	x	x		x	X			

- Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT (Phụ lục B)

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP học trước, HP tiên quyết
1	MPL 121	Triết học Mác-Lênin	3	-
2	MLP 132	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	MPL 121
3	VCP131	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	MPL 121, MLP 132
TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP học trước, HP tiên quyết
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MPL 121, MLP 132, VCP131
5	VCP 121	Lịch sử Đảng CSVN	2	MPL 121, MLP 132, VCP131, HCM121
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	-
7	GIF131	Tin học đại cương	3	-
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	-
9	MAE131	Toán kinh tế	3	-

10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	-
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG121, ENG122
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG121, ENG122, ENG123
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG121, ENG122, ENG123, ENG124
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	-
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	PHE011
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	PHE011, PHE012
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	-

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP học trước, HP tiên quyết
1	MIE231	Kinh tế học vi mô 1	3	-
2	MAN231	Quản trị học	3	-
3	MAE231	Kinh tế học vĩ mô 1	3	-
4	GEM231	Marketing căn bản	3	MIE231, MAE231
5	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	MIE231, MPL 121
6	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	PST131, MAE131
7	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	-
8	EIA231	Phân tích thông tin kinh tế	3	PST131
9	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	-
10	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	-
11	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	PSE231
12	ECO231	Kinh tế lượng	3	-
13	ECS231	Thống kê kinh tế	3	MIE231, MAE231, PSE231

7.2.2. Kiến thức ngành

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP học trước, HP tiên quyết
1	DEC331	Kinh tế phát triển	3	-
2	ENE331	Kinh tế môi trường	3	MIE231
3	MAE332	Kinh tế học vĩ mô 2	3	MAE231

4	PAP331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	MIE231, MAE231
5	PIE 331	Nguyên lý kinh tế đầu tư	3	MIE231, MAE231
6	PEC331	Kinh tế công cộng	3	-
7	MIE332	Kinh tế học vi mô 2	3	MIE231
8	INE331	Kinh tế bảo hiểm	3	-
9	SIN331	Bảo hiểm xã hội	3	-
10	MPD331	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH	3	-
11	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	-
12	ESD331	Môi trường và phát triển bền vững	3	-

7.2.3. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP học trước, HP tiên quyết
1	INI331	Đầu tư quốc tế	3	-
2	IEC331	Kinh tế đầu tư	3	PIE 331
3	IPA331	Thẩm định dự án đầu tư	3	PAP331
4	PRM331	Quản lý dự án đầu tư	3	PAP331
5	CAM331	Thị trường vốn đầu tư	3	-
6	SDP331	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH	3	-
7	PPD331	Chương trình và dự án phát triển KT-XH	3	DEC331
8	BIA331	Đấu thầu trong đầu tư	3	PAP331
9	ILA331	Luật Đầu tư	3	-
10	BCA331	Phân tích lợi ích - chi phí	3	-
11	DPA331	Phân tích chính sách phát triển	3	-
12	SIC331	Thống kê đầu tư XDCB	3	PSE231
13	ERF331	Nghiên cứu và dự báo kinh tế	3	PSE231, ECO231
14	SEF331	Dự báo phát triển KT-XH	3	MIE231, MAE231, DEC331, MAE131
15	IEC421	Thực tập môn học	2	PAP331, IEC331, INI331, IPA331

7.2.4. Tốt nghiệp

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP học trước, HP tiên quyết
----	-------	--------------	-------	-----------------------------------

1	IEC401	Thực tập tốt nghiệp	4	-
2	IEC904	KLTN/Các HP tự chọn thay thế KLTN	6	-
3	PUI331	Đầu tư công	3	-
4	EPF331	Kinh tế và tài chính công	3	MIE231, MAE231, DEC331, PEC331
5	IRM331	Quản lý rủi ro trong đầu tư	3	PRM331
6	FII331	Đầu tư tài chính	3	-

8. Kế hoạch đào tạo (Phụ lục C)

9. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. <Triết học Mác-Lênin> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành (thảo luận): 18

Học phần trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn học Triết học Mác – Lênin, từ đó giúp sinh viên có khả năng nắm vững những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin: vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp người học có khả năng phân tích các vấn đề thực tiễn của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước và trên thế giới.

2. <Kinh tế chính trị Mác - Lênin> <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành (thảo luận):12

Học phần trước: Triết học Mác – Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường (KTTT); Sản xuất giá trị thặng dư ; Cạnh tranh và độc quyền trong KTTT; KTTT định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường.

3. <Chủ nghĩa xã hội khoa học><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành (thảo luận):12

Học phần trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Cộng sản.

4. < Tư tưởng Hồ Chí Minh><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành (thảo luận): 12

Học phần trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Qua đó giúp sinh viên chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. <Lịch sử Đảng CSVN><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành (thảo luận):12

Học phần trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 -1930), quá trình Đảng

lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. <Pháp luật đại cương>

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

7. <Tin học đại cương ><3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 30 số tiết thực hành: 30

Học phần trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần **Tin học đại cương** trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows, mua sắm máy tính, tự tin thuyết trình, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử

dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

8. <Lý thuyết xác suất và thống kê toán><3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành:18

Học phần trước: Toán kinh tế

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần lý thuyết xác suất và thống kê toán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa cơ bản về xác suất được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu các khái niệm và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

9. <Toán kinh tế><3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành:18

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: (i) Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. (ii) Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Đồng thời, trang bị cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến. (iii) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân như phương trình vi phân tuyến tính cấp 1, phương trình vi phân tuyến tính cấp 2

với hệ số hằng và một số mô hình ứng dụng của phương trình vi phân trong phân tích kinh tế.

10. <Tiếng Anh 1><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 1 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

11. <Tiếng Anh 2><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1

Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 2 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ

trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

12. <Tiếng Anh 3><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1,2

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2

Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 3 là môn học tiếp nối môn học tiếng Anh học phần 1 và tiếng Anh học phần 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

13. <Tiếng Anh 4><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3

Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

14. <Tiếng Anh 5><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4

Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

15. <Giáo dục thể chất 1><1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 04 , số tiết thực hành: 26

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: GDTC 1 là môn học bắt buộc áp dụng giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của nhà trường. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhập môn GDTC tại bậc đại học: Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung và các bài tập liên hoàn tay không và bài tập liên hoàn với gậy thể dục, kiến thức về y học thể thao...Trang bị cho sinh viên kỹ năng tự tập luyện thể thao, từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

16. <Giáo dục thể chất 2><1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 04, số tiết thực hành: 26

Học phần học trước: môn GDTC 1

Học phần tiên quyết: môn GDTC 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần GDTC 2 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Điền Kinh (kỹ thuật chạy cự ly trung bình). Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn chạy cự ly trung bình và các kiến thức về y học

thể thao, chấn thương thường gặp trong vận động thể thao. Vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

17. <Giáo dục thể chất 3><1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 04, số tiết thực hành: 26

Học phần học trước: môn GDTC 1 và GDTC 2

Học phần tiên quyết: môn GDTC 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần GDTC 3 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Bóng chuyền. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn bóng chuyền. Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen vận động thường xuyên từng bước nâng cao trình độ thể thao trong sinh viên trường đại học.

18. <Giáo dục quốc phòng>

Các học phần thuộc Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

19. < Kinh tế học vi mô 1> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế học vi mô 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong nền kinh tế. Học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động; Thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ.

20. < Quản trị học> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ... Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn quản trị, chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như QT Marketing; QT nhân lực; QT ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị

21. < Kinh tế học vĩ mô 1> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vĩ mô 1 là học phần cơ sở của khối ngành kinh tế. Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước, các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp..., các chính sách vĩ mô của Chính phủ mỗi quốc gia như tài khoá, tiền tệ... nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

22. < Marketing căn bản > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô,

Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Hiểu được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

23 < Tài chính - tiền tệ 1 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

Học phần tiên quyết: Triết học Mác Lênin

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

24. < Nguyên lý thống kê > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Toán kinh tế

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung **cấp** cho người học những kiến thức cơ bản để nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế xã hội và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Trong quá trình học, người học sẽ hiểu, biết và thực hành quá trình nghiên cứu thống kê, vận dụng được các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu; vận dụng được các công cụ tổng hợp thống kê.

25. < Nguyên lý kế toán > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Luật và chuẩn mực kế toán

Tóm tắt nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các

kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

26. < Phân tích Thông tin kinh tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung vào cung cấp các kiến thức về các loại số liệu thống kê phục vụ cho các nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế xã hội nhằm giúp người học hiểu các vấn đề về nguồn và việc quản lý thông tin phục vụ nghiên cứu các vấn đề kinh tế. Đây là học phần tiền đề giúp cho người học có thể tiếp cận với các nghiên cứu và đề tài cuối khoá của mình trong chương trình học.

27. < Lịch sử các học thuyết kinh tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên; Giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản qua các thời đại lịch sử, quá trình phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau giữa các học thuyết kinh tế, và nhất là ý nghĩa của từng học thuyết trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

28. < Địa lý Kinh tế Việt Nam > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của lý luận về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội nói chung; vị trí của Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới, ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế; sự phân bố cụ thể của các ngành nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ của Việt Nam; giới thiệu cụ thể về 8 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm các nội dung về: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội, khung lãnh thổ, những thuận lợi - khó khăn và định hướng phát triển của vùng.

29. < Phương pháp NCKH > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Nguyên lý thống kê

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học. Từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, học phần giúp người học tổng quan được các tài liệu và xây dựng khung lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu. Trên cơ sở đó xác định được các câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và đề cương chi tiết, tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu được tiến hành một cách khoa học và logic đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã được thiết lập.

30. < Kinh tế lượng > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một tập hợp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và dự báo liên quan đến kinh tế vĩ mô và đầu tư tài chính như lạm phát, lãi suất, tổng sản phẩm quốc dân, xây dựng danh mục đầu tư tài chính, định giá cổ phiếu, quản lý rủi ro... với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê EVIEWS.

31. < Thống kê Kinh tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế học vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1, Nguyên lý thống kê.

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thống kê Kinh tế là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành chính, gồm 9 chương với các nội dung về thống kê dân số, thống kê của cải quốc dân, thống kê kết quả và hiệu quả sản xuất của nền kinh tế quốc dân, thống kê ngân sách, thống kê tiền tệ - tín dụng; thống kê mức sống dân cư và thống kê so sánh quốc tế. Học phần là nền tảng cho nghiên cứu các học phần chuyên ngành chuyên sâu thuộc khối ngành kinh tế và là kiến thức nền tảng cho viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp.

32. < Kinh tế phát triển > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế phát triển nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế trong điều kiện các nước đang phát triển. Học phần cung cấp cho người học những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho việc tìm ra con đường hợp lý nhất để tăng trưởng kinh tế, cải thiện và nâng cao mức sống và đảm bảo sự tiến bộ cho mọi người ở mỗi quốc gia đang phát triển.

33. < Kinh tế môi trường > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế học vi mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế môi trường nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về môi trường, phát triển bền vững, kinh tế tài nguyên thiên nhiên và kinh tế ô nhiễm môi trường. Kinh tế môi trường nghiên cứu nguyên nhân kinh tế, đánh giá thiệt hại kinh tế của các vấn đề môi trường (ô nhiễm, suy thoái môi trường...) và phân tích khía cạnh kinh tế của các công cụ chính sách quản lý môi trường (tiêu chuẩn môi trường, thuế, phí phát thải...). Kinh tế môi trường giới thiệu các phương pháp đánh giá giá trị môi trường, là cơ sở xây dựng chính sách quản lý tài nguyên, môi trường hiệu quả.

34. < Kinh tế học vĩ mô 2 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vĩ mô 2 nghiên cứu những kiến thức nâng cao của kinh tế học vĩ mô về ứng xử tổng thể của nền kinh tế theo các biến số quan trọng như: tiêu dùng, đầu tư, lãi suất, thu nhập... Đặc biệt là vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế vĩ mô thông qua việc thực hiện các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách kinh tế mở. Đồng thời, học phần này cũng đề cập đến những vấn đề liên quan đến tăng trưởng kinh tế và các mô hình mô tả nền kinh tế trong dài hạn, từ sản xuất, phân phối đến phân bổ thu nhập quốc dân.

35. < Lập và phân tích dự án đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi học mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Lập và phân tích dự án đầu tư nghiên cứu các vấn đề phương pháp luận về lập dự án đầu tư phát triển. Học phần có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích dự án, bao gồm các nội dung: Một số vấn đề lý luận chung đầu tư, dự án đầu tư; Trình tự, nội dung nghiên cứu và công tác soạn thảo dự án đầu tư; Nội dung chủ yếu phân tích các khía cạnh tài chính, kỹ thuật và nguồn nhân lực của dự án đầu tư. Qua học phần giúp cho người học có thể soạn thảo dự án đầu tư, phân tích tính khả thi dự án, hoàn thành khả năng tư duy và xử lý các tình huống trong lập dự án đầu tư.

36. Học phần: Nguyên lý kinh tế đầu tư <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế học vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như khái niệm, bản chất, vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế. Đồng thời, môn học cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

37. < Kinh tế công cộng > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế công cộng nghiên cứu về các nội dung chủ yếu sau: Tổng quan về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường và đối tượng nghiên cứu của học phần kinh tế công cộng; Chính phủ với vai trò phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội; Chính phủ với vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hoá; Lựa chọn công cộng; Các công cụ chính sách can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Phân tích chính sách chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế.

38. < Kinh tế học vi mô 2> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế học vi mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Phân tích hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng và phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất, ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường. Phân tích các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ. Ngoài ra, học phần còn trang bị các công cụ nâng cao trong phân tích cân bằng tổng quát cũng như kiến thức về lựa chọn trong điều kiện rủi ro.

39. < Kinh tế bảo hiểm> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế bảo hiểm nghiên cứu về các nội dung chủ yếu sau: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế; Tổng quan về bảo hiểm thương mại; Nghiên cứu chi tiết một số loại hình bảo hiểm thương mại cụ thể như: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm nông nghiệp.

40. < Bảo hiểm xã hội> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần được thiết kế gồm các chương giới thiệu những nội dung cơ bản về bảo hiểm xã hội (BHXH), bao gồm: khái niệm, đặc điểm và mục tiêu của BHXH; hệ thống tổ chức BHXH; các chế độ BHXH; phí BHXH và việc hoạch định chính sách cũng như tổ chức thực thi chính sách BHXH; tài chính bảo hiểm xã hội; một số vấn đề chung về bảo hiểm hưu trí, tử tuất, phương pháp luận xác định tuổi hưu trí và thời gian đóng bảo hiểm xã hội.

41. < Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH cung cấp cho người học các kiến thức về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, các lý thuyết phát triển KT-XH và tổ chức không gian các hoạt động KT-XH hợp lý trên lãnh thổ nhất định trong một thời gian xác định. Ngoài ra, học phần cung cấp cho người học các phương pháp, kỹ năng trong công tác thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành, lĩnh vực và các vùng.

42. < Kinh tế và chính sách phát triển vùng > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn kinh tế và chính sách phát triển vùng; Phát triển các vùng kinh tế cần dựa trên cơ sở khai thác thế mạnh tiềm năng mỗi vùng, liên kết giữa các vùng nhằm thu hút đầu tư, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng đều có, làm cho các vùng đều có chuyển biến tiến bộ, cơ cấu kinh tế hợp lý tạo nên sự phát triển kinh tế xã - hội mạnh mẽ của cả nước.

43. < Môi trường và phát triển bền vững > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan các vấn đề môi trường, các vấn đề về phát triển bền vững; phân tích mô hình phát triển bền vững (so sánh với mô hình phát triển không bền vững); Các vấn đề môi trường và phát triển bền vững ở hai vùng kinh tế – sinh thái cơ bản là nông thôn và đô thị; Các tiêu chuẩn, tiêu chí và cách thức đo lường mức độ phát triển bền vững ở phạm vi địa phương, quốc gia; Phân tích định hướng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam. Nội dung học phần sẽ bổ sung kiến thức về phát triển bền vững đặt trong mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

44. < Đầu tư quốc tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về đầu tư quốc tế; phân tích các lý thuyết đầu tư quốc tế, các hình thức đầu tư quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế; phân tích các chính sách, biện pháp thu hút và thúc đẩy đầu tư quốc tế, hoạt động chuyển giá trong đầu tư quốc tế, mua lại và sáp nhập trong đầu tư quốc tế. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kiến thức chuyên sâu về những cơ hội và thách thức đối với đầu tư quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập sâu, rộng hiện nay.

45. < Kinh tế đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Nguyên lý kinh tế đầu tư

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế đầu tư trang bị đầy đủ những kiến thức về lý thuyết và thực tế liên quan đến lĩnh vực đầu tư cho sinh viên ngành Kinh tế đầu tư. Theo đó, học phần cung cấp những kiến thức về quản lý hoạt động đầu tư, kế hoạch hóa trong đầu tư, những tiêu chí đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư trên cả hai phương diện vĩ mô và vi mô; giúp sinh viên hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức học phần để đề xuất được những giải pháp trong quản lý hoạt động đầu tư phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

46. < Thẩm định dự án đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Lập và phân tích dự án đầu tư

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thẩm định Dự án Đầu tư trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm định dự án, bao gồm: vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư, các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế xã hội dự án. Đồng thời, học phần này cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà còn dự án đầu tư công.

47. < Quản lý dự án đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Lập và phân tích dự án đầu tư

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản lý dự án đầu tư nghiên cứu những vấn đề về phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quản lý dự án đầu tư. Nhiệm vụ chính của học phần là luận giải có cơ sở khoa học tính tất yếu của việc quản lý có hiệu quả dự án đầu tư, trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận và những phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án. Đồng thời, học phần cũng có nhiệm vụ làm rõ nội dung, cơ sở khoa học xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án.

48. < Thị trường vốn đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thị trường vốn đầu tư cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản nhất về thị trường vốn: cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động, các công cụ đầu tư trên thị trường, các phương thức huy động qua thị trường vốn. Giúp sinh viên có khả năng phân tích tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán. Ngoài ra, sau khi học xong học phần cũng giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức đưa ra quyết định đầu tư.

49. < Kế hoạch hóa phát triển KT-XH > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kế hoạch hóa phát triển KT-XH nghiên cứu các vấn đề lý luận, phương pháp luận và phương pháp cụ thể về xây dựng, thực hiện, theo dõi đánh giá hệ thống kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong nền kinh tế thị trường.

50. < Chương trình và dự án phát triển KT-XH > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế phát triển

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần sẽ đề cập đến những kiến thức về xây dựng, thẩm định và quản lý các chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội tạo cơ sở cho sinh viên có được khả năng, kỹ năng về xây dựng và đặc biệt là triển khai thực hiện các kế hoạch định hướng vĩ mô, các nội dung và các phương pháp tiến hành xây dựng, thẩm định, quản lý các chương trình phát triển kinh tế xã hội.

51. < Đấu thầu trong đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Lập và Phân tích dự án đầu tư

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Đấu thầu trong đầu tư giúp cho sinh viên luận giải có cơ sở khoa học của sự cần thiết phải thực hiện hoạt động đấu thầu, làm rõ cơ sở khoa học cho việc lập kế hoạch đấu thầu cho một dự án đầu tư cũng như quy trình cần thiết thực hiện hoạt động đấu thầu cho một gói thầu, làm rõ phương pháp luận cho việc soạn thảo Hồ sơ mời thầu và phương pháp đánh giá Hồ sơ dự thầu từ góc độ chủ đầu tư mà đại diện là bên mời thầu, đồng thời vận dụng các vấn đề lý luận về đấu thầu vào thực tiễn ở Việt Nam.

52. < Luật Đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36 , số tiết thực hành: 18

Học phần học trước: Pháp luật về thương nhân

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện về chính sách bảo đảm, khuyến khích đầu tư, về các hình thức đầu tư, quy định về ngành nghề đầu tư, kinh doanh, thủ tục đầu tư trong nước và thủ tục đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng phân tích, bình luận và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống liên quan phát sinh trong thực tiễn.

53. < Phân tích lợi ích – chi phí > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phân tích lợi ích chi phí, các quan điểm trong phân tích lợi ích chi phí, quy trình phân tích; Cơ sở để nhận dạng, phân tích lợi ích và chi phí; Cách lượng hóa lợi ích chi phí trong các trường hợp có hoặc không có giá thị trường, xuất hiện hàng hóa ngoại thương, trong thị trường bị biến dạng, hay với các loại hàng hóa khác nhau.

54. < Phân tích chính sách phát triển > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phân tích chính sách phát triển cung cấp cho người học các lý thuyết tổng quan về phân tích chính sách, các phương pháp và quy trình thực hiện trong phân tích chính sách. Nội dung của học phần được sắp xếp theo trình tự các công đoạn trong quy trình phân tích chính sách, trong đó có làm rõ chức năng, vai trò và sự cần thiết phân tích ở mỗi công đoạn của quá trình chính sách; các cách tiếp cận, các mô hình và các phương pháp phân tích thích hợp.

55. <Thống kê đầu tư xây dựng cơ bản> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Nguyên lý thống kê

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm hai nội dung cơ bản: thứ nhất, giới thiệu những nội dung cơ bản về đầu tư xây dựng cơ bản và những lĩnh vực cũng như phương pháp nghiên cứu của thống kê. Phân tích thống kê huy động tài sản cố định và năng lực sản xuất dịch vụ, độ dài và cường độ đầu tư xây dựng. Đánh giá tình hình sử dụng vốn đầu tư. Phân tích hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội đối với từng dự án và đối với doanh nghiệp; nội dung cơ bản thứ hai tập trung nghiên cứu về công tác thống kê sản xuất xây lắp và các chỉ tiêu thống kê sản phẩm xây lắp. Vai trò của lao động và thống kê lao động trong đơn vị xây lắp. Nghiên cứu về kết cấu giá thành và biến động cũng như tình hình thực hiện hạ giá thành trong đơn vị xây lắp.

56. <Nghiên cứu và dự báo kinh tế> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của môn học Nghiên cứu và dự báo kinh tế được chia thành 5 chương. Mỗi chương xây dựng các phương pháp dự báo cụ thể đối với từng bộ số liệu xác định, bao gồm: dự báo bằng phương pháp ngoại suy xu thế, phương pháp san mũ, phương pháp thời vụ, phương pháp ARIMA và dự báo dựa trên mô hình tăng trưởng và bão hòa. Môn học đã đưa ra những phương pháp dự báo tiên tiến đang được ứng dụng ở trong và ngoài nước. Các phương pháp dự báo này được áp dụng rộng rãi trong việc dự báo các chỉ tiêu định lượng và định tính về các vấn đề kinh tế - xã hội.

57. <Dự báo phát triển KT-XH> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế phát triển, Toán kinh tế.

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Dự báo phát triển kinh tế - xã hội là một môn khoa học xã hội cung cấp các phương pháp dự báo, tiên đoán có tính khoa học, mang tính chất xác suất về mức độ, nội dung, các mối quan hệ, trạng thái, xu hướng phát triển của các vấn đề kinh tế - xã hội hoặc về cách thức và thời hạn đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã

đề ra trong tương lai nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định quản lý của người học, các nhà kinh tế, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý.

58. <Đầu tư công> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về đầu tư công, quản lý đầu tư công, các chủ thể tham gia đầu tư công, giám sát và quản lý đầu tư công; Chỉ rõ mối liên hệ giữa đầu tư công và nợ công từ đó giúp hình thành nên các giải pháp để đầu tư công hiệu quả hơn; Đánh giá được kết quả và hiệu quả của đầu tư công giúp tìm ra được các giải pháp khắc phục những hạn chế, đồng thời giúp người học bước đầu hình thành những kiến thức trong việc thẩm định các dự án công.

59. <Kinh tế và tài chính công> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế phát triển, Kinh tế công cộng

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế và tài chính công là một môn khoa học xã hội tập trung nghiên cứu về việc chính phủ sử dụng hai công cụ tài chính công chính là thuế và chi tiêu công nhằm đạt được các hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội. Học phần trang bị cho người học các kiến thức lý thuyết và công cụ nhằm đánh giá hiệu quả chi tiêu công và thuế, cũng như tác động của chúng đến phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng kế hoạch tài chính công.

60. <Quản lý rủi ro trong đầu tư> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Quản lý dự án đầu tư

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về quản lý rủi ro trong các hoạt động đầu tư diễn ra trong nền kinh tế. Môn học được trình bày trong năm chương, bao gồm một số nội dung cơ bản như: kiến thức tổng quan

về rủi ro và quản lý rủi ro trong đầu tư; nhận diện các loại rủi ro trong hoạt động đầu tư thông qua các kỹ thuật nhận diện; các công cụ được sử dụng để định lượng, đo lường rủi ro của các phương án đầu tư cho các chủ đầu tư; phân tích và lựa chọn các phương án đầu tư và ra quyết định trong điều kiện rủi ro; quản lý rủi ro đối với các dự án đầu tư; các phương pháp nhằm phòng ngừa và kiểm soát rủi ro

61. <Đầu tư tài chính> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Đầu tư tài chính trang bị cho sinh viên những kiến thức về đầu tư trên thị trường tài chính một cách có hệ thống, các vấn đề lý thuyết cơ bản về đầu tư tài chính và các ứng dụng thực tiễn theo một quy trình đầu tư. Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng phân tích, giải thích các vấn đề liên quan đến đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh và một số hình thức đầu tư khác.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng

- Trung tâm ngoại ngữ tin học, trường ĐH Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên

10.2. Thư viện, trang Web

- Trung tâm thông tin thư viện, trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên (<http://elib.tueba.edu.vn/>)

- Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên (<http://lrc.tnu.edu.vn/>)

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, DHTN và của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

b. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

12. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

Phụ lục A

1. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia.

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT Kinh tế đầu tư
Kiến thức	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	1.2
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	1.1
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	1.3
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	1.5
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	1.4
Kỹ năng	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	2.1
Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	2.3
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	2.1
Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	2.5
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	2.2
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	2.4
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	3.1 3.2
Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	3.3
Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	3.4
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	3.5

2. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng của CĐR đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 4 mức từ 1-4 trong đó:

Mức 1: Không đáp ứng;

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ;

Mức 2: Đáp ứng một phần;

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu;

Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn nghề nghiệp (nếu có)	Tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
1.1	...	3	2
1.2	...	3	3
1.3	...	3	3
1.4		3	3
1.5		3	3
2.1		3	2
2.2		3	2
2.3		3	3
2.4		3	3
2.5		3	3
3.1		3	3
3.2		3	3
3.3		3	3
3.4		3	3
3.5		3	3

CĐR CTĐT Kinh tế đầu tư – TUEBA	CĐR CTĐT Kinh tế đầu tư - ĐH KTQD Hà Nội	Ý kiến NSĐ lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
1.1	-	X – 80%	X – 80%	
1.2	X – 80%	X – 80%	X – 90%	
1.3	X – 80%	X – 90%	X – 90%	
1.4	X – 90%	X – 80%	X – 90%	
1.5	X – 90%	X – 80%	X – 90%	
2.1	X – 40%	X – 80%	X – 80%	
2.2	-	X – 80%	X – 80%	
2.3	-	X – 80%	X – 80%	
2.4	X – 50%	X – 80%	X – 90%	

CDR CTĐT Kinh tế đầu tư – TUEBA	CDR CTĐT Kinh tế đầu tư - ĐH KTQD Hà Nội	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
2.5	X – 80%	X – 80%	X – 80%	
3.1	X – 90%	X – 80%	X – 80%	
3.2	X – 90%	X – 90%	X – 90%	
3.3	X – 80%	X – 80%	X – 80%	
3.4	X – 50%	X – 80%	X – 80%	
3.5	X – 90%	X – 80%	X – 80%	

3. Đánh giá chung

Về cơ bản CDR CTĐT Kinh tế đầu tư được xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành và sát với nhu cầu của thị trường lao động.

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

2. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT.

3. Nội dung báo cáo đối sánh của học phần.

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Kinh tế đầu tư
Mã ngành: 7310104

CTĐT: Kinh tế đầu tư
Thời gian đào tạo: 4 năm

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
1. Kiến thức đại cương			32										
1	MPL 121	Triết học Mác-Lênin	3	36	18	3							
2	MLP 132	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24	12		2						
3	VCP131	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	12				2				
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12					2			
5	VCP 121	Lịch sử Đảng CSVN	2	24	12						2		
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	2							
7	GIF131	Tin học đại cương	3	36	18		3						
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18	3							
9	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18		3						
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	2							
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		2						
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			2					
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				2				
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					2			
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x							
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				X						
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x					
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x					
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93										
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		30										
	Bắt buộc		24										
19	MIE231	Kinh tế học vi mô 1	3	36	18	3							
20	MAN231	Quản trị học	3	36	18	3							
21	MAE231	Kinh tế học vĩ mô 1	3	36	18		3						
22	GEM231	Marketing căn bản	3	36	18		3						
23	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	36	18			3					
24	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	36	18			3					
25	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	36	18			3					
26	EIA231	Phân tích thông tin kinh tế	3	36	18				3				
	Tự chọn		6										
TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	

[illegible]

	BIA331	Đầu thầu trong đầu tư	3	36	18								
	ILA331	Luật Đầu tư	3	36	18								
		Tổ hợp 3										3	
44	BCA331	Phân tích lợi ích - chi phí	3	36	18								
	DPA331	Phân tích chính sách phát triển	3	36	18								
		Tổ hợp 4										3	
45	SIC331	Thống kê đầu tư XD CB	3	36	18								
	ERF331	Nghiên cứu và dự báo kinh tế	3	36	18								
	SEF331	Dự báo phát triển KT-XH	3	36	18								
2.4	IEC421	Thực tập môn học	2	0	36						2		
2.5	IEC401	Thực tập tốt nghiệp	4	0	72								4
2.6	IEC904	KL TN/Các HP tự chọn thay thế KL TN	6										6
		Tổ hợp 1											
46	PUI331	Đầu tư công	3	36	18								
	EPF331	Kinh tế và tài chính công	3	36	18								
		Tổ hợp 2											
47	IRM331	Quản lý rủi ro trong đầu tư	3	36	18								
	FII331	Đầu tư tài chính	3	36	18								
Tổng số tín chỉ			125			16	16	17	16	16	16	18	10

Ghi chú: Các học phần thực tập môn học gồm: Lập và Phân tích dự án đầu tư, Kinh tế đầu tư, Đầu tư quốc tế, Thẩm định dự án đầu tư.

Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần